

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

ĐỀ ÁN

**TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG
HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015**

THANH HOÁ, NĂM 2014

PHẦN 1

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Trường Đại học Hồng Đức xây dựng đề án tuyển sinh năm 2015 trên cơ sở:

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 221/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 09 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Chương trình Quốc gia phát triển nhân lực đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 06 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020”

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Quyết định số 12/VBHN-BGDĐT ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành văn bản hợp nhất quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 3538/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng từ năm 2015;

Công văn số 4004/ BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Bộ GD&ĐT về xây dựng Đề án tự chủ tuyển sinh;

Công văn số 5151/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ GD&ĐT về việc tuyển sinh hệ đại học, cao đẳng năm 2015;

Căn cứ kết quả tuyển sinh trong những năm qua của Nhà trường,

Trường Đại học Hồng Đức xây dựng “Đề án tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2015”.

PHẦN 2
MỤC ĐÍCH VÀ NGUYÊN TẮC
LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH

Nhằm thực hiện chuyển dần phương thức tuyển sinh chung sang phương thức tuyển sinh riêng theo tinh thần tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học, Trường Đại học Hồng Đức xây dựng đề án tuyển sinh năm 2015 theo mục đích và nguyên tắc sau:

2.1. Mục đích

Mở rộng, nâng cao chất lượng đầu vào, phù hợp với điều kiện, đặc thù đào tạo của trường.

Đảm bảo chất lượng, đáp ứng chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo và nhu cầu nguồn nhân lực.

2.2. Nguyên tắc

Phù hợp với Luật Giáo dục Đại học và các văn bản quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo (GD&ĐT).

Căn cứ trên nhu cầu thực tế của người học và nhu cầu nguồn nhân lực theo từng ngành nghề cụ thể.

Đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch; tạo điều kiện thuận lợi tối đa, không gây phức tạp và tốn kém cho thí sinh.

Đảm bảo chất lượng và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành đào tạo.

PHẦN 3. PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH

I. Phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Hồng Đức thực hiện tổ chức tuyển sinh đồng thời theo hình thức sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia và hình thức sử dụng kết quả học tập ở THPT; tổ chức thi năng khiếu cho các ngành tuyển sinh có năng khiếu.

1. Phương thức 1: Sử dụng kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia

1.1. Tiêu chí xét tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT.
- Thí sinh có điểm thi kỳ thi THPT quốc gia do các trường ĐH chủ trì.
- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng không phải đăng ký xét tuyển, chỉ cần làm hồ sơ xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Đối với những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, nhà trường ưu tiên xét tuyển những thí sinh có điểm thi THPT quốc gia theo thứ tự ưu tiên: Điểm Toán, điểm Ngữ văn cao hơn phù hợp với ngành tuyển.

- Riêng:

+ Ngành Giáo dục thể chất (D140206) tuyển sinh những thí sinh có ngoại hình cân đối, nam cao 1,65m, nữ cao 1,55m.

+ Điểm tối thiểu môn năng khiếu đăng ký vào ngành GD Mầm non và GD Thể chất phải đạt từ 4,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10.0).

1.2. Lịch tuyển sinh

Theo kế hoạch, lịch trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Riêng các ngành tuyển có thi năng khiếu: ĐKDT môn năng khiếu từ ngày 01/5 đến 30/6/2015 tại Phòng Đào tạo; thời gian thi từ ngày 20-26/7/2015 (có thông báo cụ thể).

1.3. Phương thức đăng ký của thí sinh

- Hồ sơ ĐKXT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Địa điểm nộp ĐKXT: Phòng Đào tạo-Trường ĐH Hồng Đức (số 565 Quang Trung-Phường Đông Vệ-Thành phố Thanh Hóa).
- Thời gian ĐKXT: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Ngành, tổ hợp môn xét tuyển và chỉ tiêu (dự kiến)

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
I	Bậc đại học			
1	Kỹ thuật công trình xây dựng	D580201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	100%
2	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D510406	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	75%
3	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	75%
4	Công nghệ thông tin	D480201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	75%

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
5	Nông học (định hướng công nghệ cao)	D620109	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	75%
6	Chăn nuôi (Chăn nuôi-Thú y)	D620105	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	75%
7	Nuôi trồng thủy sản	D620301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	75%
8	Bảo vệ thực vật	D620112	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	75%
9	Lâm nghiệp	D620201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	75%
10	Kinh doanh nông nghiệp	D620114	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	75%
11	Kế toán	D340301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh	100%
12	Quản trị kinh doanh	D340101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh	100%
13	Tài chính-Ngân hàng	D340201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh	100%
14	Địa lí học (định hướng Địa chính)	D310501	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	75%
15	Xã hội học (định hướng Công tác xã hội)	D310301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	75%
16	Việt Nam học (định hướng Quản lý Du lịch-Khách sạn)	D220113	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	75%
17	Tâm lý học (định hướng Quản trị nhân sự)	D310401	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-sinh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	75%
18	Luật	D380101	1. Văn-Sử-Địa 2. Toán-Văn-T.Anh 3. Toán-Lý-Hóa	100%

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
19	Sư phạm Toán học	D140209	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	100%
20	Sư phạm Vật lí	D140211	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	100%
21	Sư phạm Hóa học	D140212	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-Sinh	100%
22	Sư phạm Sinh học	D140213	1. Toán-Hóa-Sinh 2. Toán-T.Anh-Sinh	100%
23	Sư phạm Ngữ văn	D140217	1. Văn-Sử-Địa 2. Toán-Văn-T.Anh	100%
24	Sư phạm Lịch sử	D140218	Văn-Sử-Địa	100%
25	Sư phạm Địa lí	D140219	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	100%
26	Sư phạm tiếng Anh	D140231	1. Toán-Lý-T.Anh 2. Toán-Văn-T.Anh	100%
27	Giáo dục Tiểu học	D140202	1. Toán-Văn-T.Anh 2. Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	100%
28	Giáo dục Mầm non	D140201	Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	100%
29	Giáo dục thể chất	D140206	Toán-Sinh-Năng khiếu (Bật xa tại chỗ và chạy 100m)	75%
II	<i>Bậc cao đẳng</i>			
1	Công nghệ thông tin	C480201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	75%
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	C510301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	75%
3	Quản lý đất đai	C850103	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	75%
4	Kế toán	C340301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh	75%
5	Quản trị kinh doanh	C340101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh	75%
6	SP Toán học (Toán - Tin)	C140209	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	100%
7	SP Hóa học (Hóa-Sinh)	C140212	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-Sinh	100%
8	SP Ngữ văn (Văn-Sử)	C140217	1. Văn-Sử-Địa 2. Toán-Văn-T.Anh	100%
9	Giáo dục Mầm non	C140201	Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	100%

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
10	Giáo dục Tiểu học	C140202	1. Toán-Văn-T.Anh 2. Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	100%
12	SP Tiếng Anh	C140231	1. Toán-Lý-T.Anh 2. Toán-Văn-T.Anh	100%

1.5. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

- Thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng do Bộ GD&ĐT ban hành.

- Thí sinh thuộc diện ưu tiên (khu vực, đối tượng) được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

- Các trường hợp tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng Trường thực hiện theo các Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

1.6. Lệ phí tuyển sinh

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

1.7. Ưu nhược điểm của phương án tuyển sinh

Ưu điểm

- Sử dụng được kết quả của kỳ thi THPT quốc gia bảo chất lượng đầu vào;
- Đảm bảo tính công bằng trong công tác xét tuyển;
- Thí sinh thực hiện các thủ tục đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ và Trường đã được đăng công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Nhược điểm và giải pháp khắc phục

- Việc tổ chức sẽ gặp một số khó khăn ban đầu do hình thức xét tuyển mới; quá trình tổ chức thực hiện sẽ phải thường xuyên điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện.

- Thí sinh có thể vừa nộp hồ sơ xét tuyển tại Trường và dự thi/xét tuyển vào các trường đại học khác, do vậy vẫn sẽ có một lượng thí sinh ảo.

- Cập nhật và công khai thông tin đăng ký xét tuyển của thí sinh hằng ngày để thí sinh và người nhà có lựa chọn phù hợp.

2. Phương thức 2: Sử dụng kết quả học tập ở trung học phổ thông

2.1. Tiêu chí xét tuyển

- Tốt nghiệp THPT;
- Đạo đức ba năm THPT xếp loại khá trở lên;
- Tổng điểm trung bình trong 3 năm học Trung học phổ thông của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển đạt 18,0 trở lên đối với bậc đại học (không có môn nào dưới 5,0) và 16,5 đối với bậc cao đẳng. Riêng Đại học Giáo dục thể chất: Tổng điểm trung bình trong 3 năm học Trung học phổ thông của 2 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển đạt 12,0 trở lên (không có môn nào dưới 5,0).

Điểm ưu tiên được cộng với tổng điểm trung bình các môn để được xét trúng tuyển. Điểm cộng ưu tiên khu vực và đối tượng được thực hiện theo quy định ưu tiên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khi đạt tất cả các điều kiện xét tuyển thì tổng điểm trung bình các môn xét tuyển được tính để xét tuyển. Quá trình xét tuyển được tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

- Thực hiện theo nguyên tắc tổng điểm TB cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng lấy từ điểm cao đến hết chỉ tiêu.

- Đối với những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, nhà trường ưu tiên xét tuyển những thí sinh có điểm trung bình cộng 3 năm THPT của từng môn theo thứ tự ưu tiên: Điểm TBC Toán, điểm TBC Ngữ văn cao hơn phù hợp với ngành tuyển.

- Riêng:

+ Ngành Giáo dục thể chất (D140206) tuyển sinh những thí sinh có ngoại hình cân đối, nam cao 1,65m, nữ cao 1,55m.

+ Điểm tối thiểu môn năng khiếu đăng ký vào ngành GD Thể chất phải đạt từ 4,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10.0).

2.2. Lịch tuyển sinh

+ Đợt 1: ĐKXT từ ngày 01/8 đến hết ngày 20/8/2015. Thông báo kết quả ngày 25/8/2015, nếu chưa đủ chỉ tiêu xét tuyển tiếp:

+ Đợt 2: ĐKXT từ ngày 25/8 đến 15/9/2015 và thông báo kết quả trúng tuyển ngày 20/9/2015.

Nếu chưa đủ chỉ tiêu, nhà trường sẽ thông báo xét tuyển bổ sung công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Riêng các ngành tuyển có thi năng khiếu: ĐKDT môn năng khiếu từ ngày 01/5 đến 30/6/2015 tại Phòng Đào tạo; thời gian thi từ ngày 20-26/7/2015 (có thông báo cụ thể).

2.3. Phương thức đăng ký của thí sinh

- Hồ sơ ĐKXT gồm:

+ Đơn xin xét tuyển (theo mẫu);

+ Bản sao học bạ trung học phổ thông;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời;

+ Phiếu đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);

+ 03 phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên hệ;

+ 03 ảnh cỡ 3x4 chụp trong vòng 6 tháng.

- Địa điểm nộp ĐKXT: Phòng Đào tạo - Trường Đại học Hồng Đức, số 565- Quang Trung - Phường Đông Vệ - Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa.

2.4. Ngành, tổ hợp môn xét tuyển và chỉ tiêu (dự kiến):

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
I	Bậc đại học			
1	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D510406	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	25%
2	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	25%

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
3	Công nghệ thông tin	D480201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	25%
4	Nông học (định hướng công nghệ cao)	D620109	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	25%
5	Chăn nuôi (Chăn nuôi-Thú y)	D620105	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	25%
6	Nuôi trồng thủy sản	D620301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	25%
7	Bảo vệ thực vật	D620112	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	25%
8	Lâm nghiệp	D620201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	25%
9	Kinh doanh nông nghiệp	D620114	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	25%
10	Địa lí học (định hướng Địa chính)	D310501	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	25%
11	Xã hội học (định hướng Công tác xã hội)	D310301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	25%
12	Việt Nam học (định hướng Quản lý Du lịch-Khách sạn)	D220113	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	25%
13	Tâm lý học (định hướng Quản trị nhân sự)	D310401	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-sinh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	25%
14	Giáo dục thể chất	D140206	Toán-Sinh-Năng khiếu (Bật xa tại chỗ và chạy 100m)	25%
II	Bậc cao đẳng			
1	Công nghệ thông tin	C480201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	25%
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	C510301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	25%
3	Quản lý đất đai	C850103	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	25%

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
4	Kế toán	C340301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh	25%
5	Quản trị kinh doanh	C340101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh	25%

2.5. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

- Thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng do Bộ GD&ĐT ban hành.

- Thí sinh thuộc diện ưu tiên (khu vực, đối tượng) được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

- Các trường hợp tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng Trường thực hiện theo các Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

2.6. Lệ phí tuyển sinh

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2.7. Ưu, nhược điểm của phương án tuyển sinh

Ưu điểm

- Lựa chọn được các thí sinh có đủ điều kiện về năng lực theo kết quả học tập ở THPT.

- Phù hợp với đặc thù các ngành đào tạo của trường và với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

- Tiết kiệm được thời gian và tài chính cho chính các thí sinh, cho Nhà trường và xã hội.

- Thí sinh thực hiện các thủ tục đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ và Nhà trường đã được đăng công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Nhược điểm và giải pháp khắc phục

- Việc tổ chức sẽ gặp một số khó khăn ban đầu do hình thức xét tuyển này mới, đồng thời hồ sơ xét tuyển có thể tồn tại số ảo gây khó khăn cho việc sàng lọc và xét tuyển.

- Cập nhật và công khai thông tin đăng ký xét tuyển của thí sinh hằng ngày để thí sinh và người nhà có lựa chọn phù hợp.

3. Điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh

Trường Đại học Hồng Đức đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất quy định tại Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3.1. Về nhân lực: Đội ngũ giảng viên cơ hữu đến ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính: người)

Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ KH	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
	06		85	323	105

3.2. Cơ sở vật chất: Diện tích sàn xây dựng đến ngày 31/12/2014

Hạng mục	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
a) Hội trường, giảng đường, phòng học các loại	38.430
b) Thư viện, trung tâm học liệu	2.247
c) Phòng thí nghiệm, thực hành, nhà tập đa năng, xưởng thực tập	5.914

3.3. Nguồn lực thực hiện phương thức tuyển sinh

- Căn cứ quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh, trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Trong Hội đồng tuyển sinh có đầy đủ các Ban giúp việc.

- Hội đồng tuyển sinh của trường do Hiệu trưởng làm chủ tịch. Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo toàn bộ hoạt động tuyển sinh của trường.

- Thành phần Hội đồng tuyển sinh bao gồm: Ban Thư ký, Ban xét tuyển, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi, Đoàn Thanh tra. Nhân lực lấy từ các đơn vị như Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo, Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, các Khoa và các đơn vị liên quan.

- Trường thông báo công khai trên trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng phương án tuyển sinh: các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác tuyển sinh, mẫu hồ sơ đăng ký xét tuyển sinh.

- Thông tin tuyển sinh của trường bao gồm: tên trường, ký hiệu trường, địa chỉ liên hệ, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, khối xét tuyển, thời gian xét tuyển, vùng tuyển và các thông tin khác liên quan khác.

- Chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, văn phòng phẩm..., cho việc tổ chức tuyển sinh.

PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chuẩn bị tuyển sinh

Căn cứ quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh, trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS):

- HĐTS của nhà trường do Hiệu trưởng làm chủ tịch Hội đồng và các Phó Hiệu trưởng là Phó chủ tịch Hội đồng, Trưởng phòng Đào tạo làm Ủy viên thường trực. HĐTS chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo toàn bộ hoạt động tuyển sinh của trường.

- Giúp việc HĐTS gồm các ban: Ban thư ký, Ban xét tuyển, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi, Đoàn thanh tra, ...

Nhiệm vụ của mỗi thành viên, các Ban thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Trường thông báo công khai trên trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng phương án tuyển sinh. Thông tin tuyển sinh của trường bao gồm: tên trường, ký hiệu trường, địa chỉ liên hệ, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, khối xét tuyển, ngành xét tuyển/thi tuyển, thời gian xét tuyển/thi tuyển và các thông tin khác liên quan.

Chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, văn phòng phẩm... cho việc tổ chức tuyển sinh.

2. Tổ chức tuyển sinh

- Dưới sự chỉ đạo của HĐTS thì Ban thư ký, Ban xét tuyển, Ban ra đề, Ban coi thi, Ban chấm thi, Ban thanh tra, Ban cơ sở vật chất sẽ thực hiện theo nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng của mình, chịu trách nhiệm dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng.

- Sau khi Ban thư ký tập hợp, thống kê và nhập dữ liệu đầy đủ các hồ sơ của các thí sinh sẽ báo cáo HĐTS để tổ chức xét tuyển, thi tuyển.

- Căn cứ vào dữ liệu điểm của thí sinh đã được Ban thư ký nhập vào máy tính. Ban xét tuyển tiến hành tính ra điểm trung bình của thí sinh, theo như yêu cầu của điều kiện xét tuyển, thi tuyển.

- Tổng hợp thông tin, căn cứ vào các quy định và chỉ đạo của Bộ GD&ĐT để xét trúng tuyển và công bố kết quả cho thí sinh, như lịch đã thông báo.

- Ban Thanh tra tuyển sinh sẽ thường xuyên giám sát quá trình thu nhận hồ sơ, thống kê, nhập dữ liệu hồ sơ, cũng như công tác xét tuyển, thi tuyển để ngăn ngừa và xử lý kịp thời các hiện tượng tiêu cực.

- Ban cơ sở vật chất có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các phòng thu nhận hồ sơ, phòng họp hội đồng và các phương tiện phục vụ cho quá trình nhập dữ liệu hồ sơ cũng như quá trình xét tuyển, thi tuyển.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện công tác tuyển sinh

- Trường thành lập Đoàn thanh tra tuyển sinh, gồm những cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao, có uy tín với đồng nghiệp và có kinh nghiệm trong công tác thanh

tra, nhất là thanh tra tuyển sinh. Ban này thực hiện theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển trường.

- Đoàn thanh tra tuyển sinh của trường chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh; kịp thời phát hiện những sai sót, vi phạm và đề xuất các hình thức xử lý theo đúng quy định.

- Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về các hiện tượng tiêu cực trong công tác tuyển sinh:

+ Hội đồng tuyển sinh của trường.

+ Đoàn thanh tra công tác tuyển sinh.

+ Hòm thư góp ý của nhà trường.

- Trách nhiệm của người tố cáo các hiện tượng tiêu cực phải có bằng chứng cụ thể và được xác minh về tính chính xác.

- Các cá nhân và tổ chức tiếp nhận thông tin tố cáo phải bảo vệ nguyên trạng bằng chứng và xác minh tính chân thực của bằng chứng, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và báo cáo với Hội đồng tuyển sinh để có biện pháp xử lý thích hợp.

4. Việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan

Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về các tiêu cực trong công tác tuyển sinh:

- HĐTS của trường.

- Đoàn thanh tra công tác tuyển sinh.

- Trách nhiệm của người tố cáo các hiện tượng tiêu cực phải có bằng chứng cụ thể và được xác minh về tính chính xác.

Các cá nhân và tổ chức tiếp nhận thông tin tố cáo phải bảo vệ nguyên trạng bằng chứng và xác minh tính chân thực của bằng chứng, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và báo cáo với HĐTS để có biện pháp xử lý thích hợp.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo trước, trong và sau khi kết thúc tuyển sinh theo qui định

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo kịp thời trong từng giai đoạn triển khai nội dung đề án tuyển sinh 2015.

Kết thúc kỳ tuyển sinh, nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ GD&ĐT.

6. Sự phối hợp và hỗ trợ của các ban, ngành địa phương trong các khâu của công tác tuyển sinh

- Nhà trường sẽ báo cáo với UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở GD&ĐT tỉnh Thanh Hóa, Phòng PA83 Công An tỉnh để nhận được sự quan tâm hỗ trợ và giúp đỡ.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa; Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa cũng như các đơn vị truyền thông khác để tuyên truyền, hướng dẫn về kỳ thi tuyển sinh năm 2015.

- Phối hợp với các địa phương, các cơ sở giáo dục để xác minh tính chính xác của hồ sơ đăng ký xét tuyển.

PHẦN 5

LỘ TRÌNH VÀ CAM KẾT CỦA TRƯỜNG

1. Lộ trình

- Năm 2015 trường thực hiện tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy theo các phương thức đã nêu trong đề án.

- Rút kinh nghiệm công tác tổ chức tuyển sinh năm 2015, trường sẽ đưa ra các điều chỉnh cần thiết đối với tuyển sinh 2016 và các năm tiếp theo trình Bộ GD&ĐT.

2. Cam kết

- Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế dưới sự chỉ đạo, giám sát của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, thi tuyển.

- Đảm bảo tổ chức tuyển sinh một cách nghiêm túc, công bằng, khách quan và chống mọi hiện tượng tiêu cực.

- Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh năm 2015, Trường tiến hành tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ GD&ĐT.

- Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực, hành vi vi phạm Quy chế.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Mạnh An

Phụ lục 1

QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Việc tổ chức tuyển sinh hàng năm Nhà trường thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn;

Tổ chức xét tuyển sử dụng kết kỳ thi THPT quốc gia do trường đại học chủ trì, tổ chức xét kết quả học tập ở bậc THPT tuân thủ theo các quy định tại các phần 2, 3 của Đề án;

Tổ chức thi các ngành năng khiếu: các quy trình ra đề thi, sao in, bảo mật đề thi, tổ chức coi thi, chấm thi, phúc khảo... thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT ban hành.

Trường sẽ tiếp tục ban hành các văn bản để hướng dẫn và tổ chức thực hiện lên trang Web tuyển sinh của Trường tại địa chỉ: <http://www.hdu.edu.vn>.

Phụ lục 2**KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA TRƯỜNG 5 NĂM QUA**

Thứ tự	Năm	Chỉ tiêu	Thực tuyển	Ghi chú (tỷ lệ%)
1	2009	2610	2171	83,18
2	2010	2890	2576	89,13
3	2011	2790	2241	80,32
4	2012	2790	2288	82,01
5	2013	2650	2602	98,19

Phụ lục 3**CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG**

TT	Tên ngành	Mã số	Trình độ	Quyết định
1	Sư phạm Toán học	52140209	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
2	Toán học	52460101	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
3	Sư phạm Ngữ văn	52140217	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
4	Văn học	52220330	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
5	Nông học	52620109	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
6	Khoa học cây trồng	52620110	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
7	Sư phạm Vật lý	52140211	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
8	Công nghệ thông tin	52480201	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
9	Sư phạm Lịch sử	52140218	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
10	Chăn nuôi	52620105	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
11	Sư phạm Hóa học	52140212	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
12	Sư phạm Sinh học	52140213	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
13	Sư phạm Tiếng Anh	52140231	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
14	Quản trị kinh doanh	52340101	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
15	Kế toán	52340301	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
16	Bảo vệ thực vật	52620112	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
17	Nuôi trồng thủy sản	52620301	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
18	Giáo dục Tiểu học	52140202	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
19	Sư phạm Địa lý	52140219	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
20	Giáo dục Mầm non	52140201	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
21	Việt Nam học	52220113	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
22	Lịch sử	52220310	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
23	Vật lý học	52440102	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
24	Địa lý học	52310501	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
25	Xã hội học	52310301	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
26	Tâm lý học	52310401	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
27	Tài chính-Ngân hàng	52340201	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
28	Lâm nghiệp	52620201	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
29	Kỹ thuật công trình XD	52580201	ĐH	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
30	Kinh doanh nông nghiệp	52620114	ĐH	Số 5869/QĐ-BGDĐT ngày 12/12/2013
31	Công nghệ KTMT	52510406	ĐH	Số 221/QĐ-BGDĐT ngày 23/01/2014
32	Giáo dục thể chất	52140206	ĐH	Số 2620/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014
33	Sư phạm Toán học	51140209	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
34	Sư phạm Hóa học	51140212	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
35	Sư phạm Vật lý	51140211	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
36	Sư phạm Sinh học	51140213	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
37	Sư phạm Ngữ văn	51140217	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
38	Sư phạm Lịch sử	51140218	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
39	Sư phạm Địa lý	51140219	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010

TT	Tên ngành	Mã số	Trình độ	Quyết định
40	Giáo dục công dân	51140204	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
41	Giáo dục Tiểu học	51140202	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
42	Sư phạm Tiếng Anh	51140231	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
43	Quản trị kinh doanh	51340101	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
44	Lâm nghiệp	51620201	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
45	Công nghệ thông tin	51480201	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
46	Kế toán	51340301	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
47	Giáo dục Thể chất	51140206	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
48	Giáo dục Mầm non	51140201	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
49	Quản lý đất đai	51850103	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010
50	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51510301	CĐ	Số 6269/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2010

Phụ lục 4**DANH MỤC CÁC NGUỒN LỰC ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN****1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu:**

TT	Tên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Số giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo theo chức danh khoa học, trình độ đào tạo (tham gia chủ trì chính ngành đào tạo)					
			GS	PGS	TSKH	TS	ThS	ĐH
1	SP Toán học	ĐH				8	11	1
2	SP Vật lý	ĐH				3	9	
3	SP Hoá học	ĐH				3	7	
4	SP Sinh học	ĐH				4	7	
5	SP Ngữ văn	ĐH		2		12	11	
6	SP Lịch sử	ĐH		1		1	4	
7	SP Địa lý	ĐH				1	4	
8	SP Tiếng Anh	ĐH				1	12	
9	Giáo dục Tiểu học	ĐH				3	5	
10	Giáo dục Mầm non	ĐH				2	9	
11	Địa lý học	ĐH		1		2	7	
12	Việt Nam học	ĐH				1	7	1
13	Xã hội học	ĐH				1	7	1
14	Tâm lý học	ĐH				5	16	1
15	Công nghệ thông tin	ĐH				3	12	
16	Kỹ thuật công trình xây dựng	ĐH		1		1	13	
17	CN Kỹ thuật MT	ĐH				1	6	2
18	Kế toán	ĐH				4	9	
19	Quản trị kinh doanh	ĐH		1		2	3	
20	Tài chính - Ngân hàng	ĐH				1	15	1
21	Nông học	ĐH		1		2	5	
22	Chăn nuôi	ĐH				1	6	1
23	Bảo vệ thực vật	ĐH				3	7	1
24	Lâm nghiệp	ĐH				2	5	

TT	Tên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Số giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo theo chức danh khoa học, trình độ đào tạo (tham gia chủ trì chính ngành đào tạo)					
			GS	PGS	TSKH	TS	ThS	ĐH
25	Toán học	ĐH				1	6	
26	Nuôi trồng thủy sản	ĐH				1	6	1
27	Kinh doanh nông nghiệp	ĐH				2	8	
28	Luật	ĐH				4	9	
29	Kỹ thuật điện, điện tử	ĐH				1	6	
30	Giáo dục thể chất	ĐH				3	6	
31	Vật lý	ĐH				2	6	2
32	Văn học	ĐH				4	6	
33	Lịch sử	ĐH				1	6	
34	SP Toán học	CĐ					6	2
35	SP Vật lý	CĐ					5	
36	SP Hoá học	CĐ					5	
37	SP Sinh học	CĐ					4	1
38	SP Ngữ Văn	CĐ					5	2
39	SP Địa lý	CĐ					5	2
40	SP Lịch sử	CĐ				1	5	
41	Giáo dục Mầm non	CĐ					5	12
42	Giáo dục Tiểu học	CĐ					5	3
43	SP Tiếng Anh	CĐ					2	18
44	Kê toán	CĐ					3	12
45	Quản trị kinh doanh	CĐ					4	5
46	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CĐ					4	12
47	Quản lý đất đai	CĐ					3	9
48	Công nghệ thông tin	CĐ					4	4
49	Giáo dục công dân	CĐ					3	2
50	Lâm nghiệp	CĐ					3	3

TT	Tên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Số giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo theo chức danh khoa học, trình độ đào tạo (tham gia chủ trì chính ngành đào tạo)					
			GS	PGS	TSKH	TS	ThS	ĐH
51	Giáo dục thể chất	CD					11	7
Tổng cộng				6		85	323	105

2. Cơ sở vật chất:

Tài sản	Cấp hạng	Năm sử dụng	Số tầng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1. Hội trường, giảng đường, phòng học các loại				38.430
Nhà Điều hành 13 tầng CS chính	Nhà cấp I	2012	13	11.536
Nhà hội trường kiêm giảng đường 300 chỗ ngồi CII (A7)	Nhà cấp III	2012	2	1.284
Hội trường A3 CSII	Nhà cấp III	1998	1	380
Nhà học A1 CSC (Khoa NLN)	Nhà cấp III	2008	4	3.350
Nhà học A2 CSC (Khoa KTCN)	Nhà cấp III	2008	4	2.967
Nhà học A3 CSC (K. KT-QTKD)	Nhà cấp III	2012	4	5.798
Nhà lớp học Khu B CSII (cải tạo 2004)	Nhà cấp IV	2004	1	2.525
Nhà 5 tầng A5 CSII- sử dụng 4 tầng	Nhà cấp II	2002	5	1.157
Nhà 4 tầng A1 CSII	Nhà cấp II	1999	4	1.122
Nhà 4 tầng A4 CSII	Nhà cấp II	1992	4	941
Nhà 3 tầng A2 CSII	Nhà cấp II	1994	3	1.033
Nhà 3 tầng A3 CSII	Nhà cấp II	1998	3	778
Nhà 3 tầng B1 CSII	Nhà cấp II	1984	3	1.364
Nhà học văn phòng TTGDQP	Nhà cấp III	2012	4	3.820
Nhà học mầm non số 2 CSII	Nhà cấp IV	2005	2	111
Nhà học mầm non số 1 CSII	Nhà cấp IV	2005	2	110
Nhà học 6 gian mầm non làm nhà lớp học 2 phòng CSII	Nhà cấp IV	1994	1	154
2. Thư viện, trung tâm học liệu				2.247
Nhà hỗ trợ học tập KLF CSII	Nhà cấp III	2002	3	1.236
Thư viện Nhà 2 tầng B2 CSII	Nhà cấp III	1984	2	1.011
3. Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà tập đa năng, xưởng thực tập, sân vận động				5.914
Nhà học Đa năng CSII	Nhà cấp III	1994	1	2.060
Nhà thể dục	Nhà cấp IV	1999	1	141
Nhà lưới Khoa NLN CSC	Nhà cấp IV	2008	1	107

Tài sản	Cấp hạng	Năm sử dụng	Số tầng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
Xưởng thực hành khoa KTCN CSC	Nhà cấp IV	2011	1	1.639
Nhà thực hành Khoa nông lâm CSC	Nhà cấp IV	2012	1	102
Nhà học đặc thù Khoa Sư phạm mầm non CSII	Nhà cấp III	2010	3	1.140
Sân chạy thể dục		1995		725
4. Ký túc xá, nhà ăn				8.074
Nhà Ký túc xá sinh viên B3 CSII	Nhà cấp II	1992	3	886
Nhà Ký túc xá sinh viên B4 CSII	Nhà cấp II	1984	4	940
Nhà Ký túc xá sinh viên B5 4 tầng CSII	Nhà cấp II	1984	4	784
Nhà Ký túc xá sinh viên N1, N2, N3 CS chính	Nhà cấp III	2008	4	1.065
Cải tạo nhà kho thành nhà ăn CB+ Lào CSII	Nhà cấp IV	1997	1	159
Nhà ăn Khu B CS II	Nhà cấp IV	1997	1	268
Nhà ăn KTX sinh viên CSC	Nhà cấp IV	2007	2	90
Nhà ăn, câu lạc bộ CS chính	Nhà cấp III	2010	2	3.791
Nhà 5 gian kho thành nhà ăn trường THMN CSII	Nhà cấp IV	1995	1	91
5. Công trình phục vụ khác				6.452
Nhà trực mái bằng Khu B CSII	Nhà cấp IV	2010	1	48
Gara ô tô(2008) CSII	Nhà cấp IV	2008	1	90
Nhà để xe đạp, xe máy CB CSII	Nhà cấp IV	2001	1	40
Nhà để xe đạp, xe máy HSSV CSII	Nhà cấp IV	1991	1	75
Nhà để xe đạp, xe máy CB CSII	Nhà cấp IV	1996	1	284
Nhà để xe đạp, xe máy CB CSII (công trực)	Nhà cấp IV	2002	1	140
Nhà để xe đạp, xe máy HSSV Nhà Đa năng CSII	Nhà cấp IV	2009	1	140
Nhà để xe đạp, xe máy khu KTX CSII	Nhà cấp IV	2009	1	265
Nhà để xe đạp, xe máy (sau nhà 6 gian cấp 4) của trường THMN CSII	Nhà cấp IV	2011	1	58
Trạm bơm khu B CSII	Nhà cấp IV	2008	1	28
Nhà vệ sinh công cộng khu B(sau phòng học cấp 4) CSII	Nhà cấp IV	2008	1	36
Nhà bảo vệ+công chính Khu A CSII	Nhà cấp IV	2007	1	16
Nhà máy biến áp số 2 và đường cáp 0,4KV công trình CSC trường ĐHHĐ	Nhà cấp IV	2011	1	56
Nhà trực bảo vệ CSC	Nhà cấp IV	2009	1	16
Nhà để máy phát điện mái bằng	Nhà cấp IV	2010	1	20

Tài sản	Cấp hạng	Năm sử dụng	Số tầng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
Nhà gara oto CSC	Nhà cấp IV	2013	1	1.303
Nhà để xe đạp, xe máy CB,HSSV CSC	Nhà cấp IV	2006	1	1.600
Nhà để xe đạp, xe máy HSSV ban QLNT CSC	Nhà cấp IV	2009	1	130
Nhà để xe đạp xe máy khu KTX CSC	Nhà cấp IV	2010	1	189
Nhà để xe đạp xe máy khu giảng đường A1 CSC	Nhà cấp IV	2010	1	699
Làm nổi xe đạp, xe máy CSC	Nhà cấp IV	2012	1	500
Trạm biến áp TTGDQP	Nhà cấp IV	2012	1	36
Nhà để xe đạp, xe máy tại TTGDQP	Nhà cấp IV	2012	1	650
Nhà trực mái bằng Khu A CSII	Nhà cấp III	2001	1	33
TỔNG CỘNG				61.117

**ĐƠN XIN XÉT TUYỂN
ĐẠI HỌC/CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015**

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Hồng Đức.

Họ và tên:

Ngày sinh: ... / ... / Nơi sinh:

Địa chỉ:

Điện thoại liên lạc (để Trường báo tin):

Tên trường THPT (học lớp 12):

Khu vực: KV1, KV2-NT, KV2, KV3. Đối tượng ưu tiên: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07. *(khoanh tròn vào khu vực và đối tượng ưu tiên, nếu có)*

Sau khi nghiên cứu và tìm hiểu rõ các quy định về tiêu chí, điều kiện xét tuyển của nhà trường. Tôi đăng ký xét tuyển vào ngành:

Mã ngành:

Nhóm xét tuyển: hoặc tổ hợp các môn xét tuyển gồm:

.....

Điểm các môn tương ứng với nhóm xét tuyển ở các năm học THPT lớp 10, 11 và 12, như sau:

Môn	Môn 1:.....	Môn 2:.....	Môn 3:.....
Lớp			
Lớp 10			
Lớp 11			
Lớp 12			

Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng. Nếu sai, tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin nêu trên.

....., ngày tháng năm 2015

Người làm đơn

THÔNG TIN TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015

Số TT	Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành đào tạo	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC	HDT			2550
	Số 565 Quang Trung, phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa. ĐT: (037) 3910.222; 3910.619 Fax: (037) 3910.475 Website: www.hdu.edu.vn				
I	Bậc đại học				2.200
1	Kỹ thuật công trình xây dựng		D580201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	80
2	Công nghệ kỹ thuật môi trường		D510406	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	70
3	Kỹ thuật điện, điện tử		D520201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	70
4	Công nghệ thông tin		D480201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	80
5	Nông học (định hướng công nghệ cao)		D620109	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	80
6	Chăn nuôi (Chăn nuôi-Thú y)		D620105	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	80
7	Nuôi trồng thủy sản		D620301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	80
8	Bảo vệ thực vật		D620112	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	80
9	Lâm nghiệp		D620201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	80
10	Kinh doanh nông nghiệp		D620114	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	60
11	Kế toán		D340301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh	150
12	Quản trị kinh doanh		D340101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh	80

Số TT	Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành đào tạo	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
13	Tài chính-Ngân hàng		D340201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh	90
14	Địa lí học (định hướng Địa chính)		D310501	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	70
15	Xã hội học (định hướng Công tác xã hội)		D310301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	70
16	Việt Nam học (định hướng Quản lý Du lịch-Khách sạn)		D220113	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	70
17	Tâm lý học (định hướng Quản trị nhân sự)		D310401	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-sinh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	60
18	Luật		D380101	1. Văn-Sử-Địa 2. Toán-Văn-T.Anh 3. Toán-Lý-Hóa	70
19	Sư phạm Toán học		D140209	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	70
20	Sư phạm Vật lí		D140211	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	60
21	Sư phạm Hóa học		D140212	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-Sinh	60
22	Sư phạm Sinh học		D140213	1. Toán-Hóa-Sinh 2. Toán-T.Anh-Sinh	60
23	Sư phạm Ngữ văn		D140217	1. Văn-Sử-Địa 2. Toán-Văn-T.Anh	70
24	Sư phạm Lịch sử		D140218	Văn-Sử-Địa	60
25	Sư phạm Địa lí		D140219	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Văn-Sử-Địa 4. Toán-Văn-T.Anh	60
26	Sư phạm tiếng Anh		D140231	1. Toán-Lý-T.Anh 2. Toán-Văn-T.Anh	70
27	Giáo dục Tiểu học		D140202	1. Toán-Văn-T.Anh 2. Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	90
28	Giáo dục Mầm non		D140201	Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	120

Số TT	Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành đào tạo	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
29	Giáo dục thể chất		D140206	Toán-Sinh-Năng khiếu (Bật xa tại chỗ và chạy 100m)	60
II	Bậc cao đẳng				350
1	Công nghệ thông tin		C480201	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	30
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		C510301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	30
3	Quản lý đất đai		C850103	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh 3. Toán-Hóa-Sinh	30
4	Kế toán		C340301	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh	40
5	Quản trị kinh doanh		C340101	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Văn-Lý 3. Toán-Văn-T.Anh	30
6	SP Toán học (Toán - Tin)		C140209	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Lý-T.Anh	30
7	SP Hóa học (Hóa-Sinh)		C140212	1. Toán-Lý-Hóa 2. Toán-Hóa-Sinh	30
8	SP Ngữ văn (Văn-Sử)		C140217	1. Văn-Sử-Địa 2. Toán-Văn-T.Anh	30
9	Giáo dục Mầm non		C140201	Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	40
10	Giáo dục Tiểu học		C140202	1. Toán-Văn-T.Anh 2. Toán-Văn-Năng khiếu (Đọc, kể diễn cảm và Hát)	30
11	SP Tiếng Anh		C140231	1. Toán-Lý-T.Anh 2. Toán-Văn-T.Anh	30

Ghi chú:

- Về tuyển sinh đào tạo liên thông: Liên thông từ cao đẳng lên đại học tuyển sinh tất cả các ngành. Liên thông từ trung cấp lên đại học 3 ngành: GD Mầm non, Kế toán, Nông học.

Thí sinh đăng ký dự thi kỳ thi THPT Quốc gia theo tổ hợp môn thi của ngành dự kiến đăng ký học liên thông tương ứng.

- Ngành Giáo dục thể chất (D140206) tuyển sinh những thí sinh có ngoại hình cân đối, nam cao 1,65m, nữ cao 1,55m.

- Thi năng khiếu: Tại Trường Đại học Hồng Đức.

- Môn thi năng khiếu:

+ Ngành **GD Mầm non, GD Tiểu học** gồm: Đọc, kể diễn cảm và Hát.

+ Ngành **Giáo dục thể chất**, gồm: Bật xa tại chỗ và chạy 100m

+ Điểm tối thiểu môn năng khiếu đăng ký vào ngành GD Mầm non và GD Thể chất phải đạt từ 4,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10.0).

+ Đối với các ngành xét tuyển có môn năng khiếu, Trường sẽ tổ chức thi môn năng khiếu. Thời gian tổ chức thi môn năng khiếu sẽ được thông báo trên website của Trường và các phương tiện truyền thông khác.